

Số: 10/2016/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 22 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về việc tổ chức bình chọn
sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Nam Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu;

Căn cứ Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến công tỉnh Nam Định;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 199/TTr-SCT ngày 06/4/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Nam Định”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND ngày 28/6/2013 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Công Thương, Sở Nội Vụ, Sở Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công báo tỉnh, Website tỉnh;
- Lưu: Vp1, Vp5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Đình Nghị

QUY ĐỊNH

**Về việc tổ chức bình chọn sản phẩm
công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Nam Định**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 10/2016/QĐ-UBND
ngày 22/4/2016 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này quy định về trình tự, thủ tục tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và quyền lợi, trách nhiệm của các tổ chức, cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Nam Định.

2. Đối tượng áp dụng.

Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại huyện, xã, thị trấn và các phường thuộc thành phố Nam Định chuyển đổi từ xã chưa quá 5 năm, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn); các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (viết tắt là CNNTTB).

Điều 2. Mục đích bình chọn và sản phẩm tham gia bình chọn

1. Mục đích bình chọn.

Phát hiện và tôn vinh các sản phẩm có chất lượng, có giá trị sử dụng cao, có tiềm năng phát triển sản xuất, mở rộng thị trường, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước để có kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất và xúc tiến thương mại, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp khu vực nông thôn tỉnh Nam Định.

2. Sản phẩm tham gia bình chọn:

2.1. Là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đang được sản xuất tại các cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định.

2.2. Là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm



Bộ sản phẩm là tập hợp các sản phẩm do cùng một cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Các sản phẩm có cùng mẫu mã và công dụng, được sản xuất từ nhiều loại nguyên liệu, vật liệu khác nhau;

b) Các sản phẩm có mẫu mã khác nhau, có công dụng giống nhau được sản xuất từ một loại nguyên liệu, vật liệu;

c) Các sản phẩm khác nhau nhưng có thể ghép lại với nhau để tăng tiện ích sử dụng.

2.3. Không phải là sản phẩm sao chép; việc sản xuất sản phẩm đó không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ và các quy định khác liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp.

2.4. Có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường.

Điều 3. Phân nhóm các sản phẩm tham gia bình chọn

Sản phẩm tham gia bình chọn được phân thành các nhóm như sau:

1. Nhóm sản phẩm thủ công mỹ nghệ (nguyên liệu từ gỗ, mây, tre, lá, cói, lục bình, đất, đá, kim loại, sợi các loại, nông sản).

2. Nhóm sản phẩm bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản và đồ uống (nguyên liệu sản xuất chủ yếu từ sản phẩm nông, lâm, thủy sản sản xuất trên địa bàn tỉnh).

3. Nhóm sản phẩm về thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí (sản xuất ra thành phẩm hoàn chỉnh tại Nam Định từ sản xuất phụ tùng đến lắp ráp sản phẩm).

4. Nhóm các sản phẩm khác.

Điều 4. Cấp bình chọn sản phẩm CNNTTB

1. *Cấp huyện* là cấp bình chọn được thực hiện trong phạm vi huyện, thành phố Nam Định; do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Nam Định (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) chủ trì, chỉ đạo tổ chức thực hiện;

2. *Cấp tỉnh* là cấp bình chọn được thực hiện trong phạm vi tỉnh Nam Định; do Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Chương II

HỘI ĐỒNG BÌNH CHỌN, BAN GIÁM KHẢO VÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN

Điều 5. Hội đồng bình chọn

1. Hội đồng bình chọn sản phẩm CNNTTB (sau đây gọi là Hội đồng bình chọn) các cấp được thành lập như sau:

a) Hội đồng bình chọn cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập;

b) Hội đồng bình chọn cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập;

2. Thành viên của Hội đồng bình chọn hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Việc bổ sung hoặc thay thế các thành viên của Hội đồng bình chọn do người có thẩm quyền thành lập Hội đồng bình chọn cùng cấp quyết định.

Điều 6. Cơ cấu, thành phần Hội đồng bình chọn

1. Hội đồng bình chọn cấp huyện có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là Lãnh đạo Phòng Công Thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, phòng Kinh tế thành phố Nam Định ;

c) Các thành viên khác của Hội đồng là đại diện của một số đơn vị, tổ chức có liên quan; các nhà khoa học, các chuyên gia, người có chuyên môn, kinh nghiệm thuộc lĩnh vực, ngành nghề liên quan đến các sản phẩm đăng ký bình chọn.

2. Hội đồng bình chọn cấp tỉnh có 7 hoặc 9 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là Lãnh đạo Sở Công Thương;

c) Các thành viên khác của Hội đồng là đại diện của một số đơn vị, tổ chức có liên quan; các nhà khoa học, các chuyên gia, người có chuyên môn, kinh nghiệm thuộc lĩnh vực, ngành nghề liên quan đến các sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn.

Điều 7. Nhiệm vụ của Hội đồng bình chọn

1. Hội đồng bình chọn có nhiệm vụ hướng dẫn các cơ sở công nghiệp nông thôn lập hồ sơ đăng ký bình chọn; thành lập Ban giám khảo và Tổ chuyên môn giúp việc; tổ chức bình chọn; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả bình chọn và thông báo kết quả bình chọn đến các cơ sở công nghiệp nông thôn; tổ chức cấp giấy chứng nhận sản phẩm CNNTTB.

2. Hội đồng bình chọn cấp huyện, cấp tỉnh có trách nhiệm lựa chọn các sản phẩm được công nhận của cấp tương ứng trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt để đăng ký tham gia bình chọn ở cấp cao hơn theo đúng quy định.

3. Hội đồng bình chọn có trách nhiệm giải quyết các vướng mắc; xử lý kiến nghị và khiếu nại liên quan đến kết quả bình chọn do Hội đồng bình chọn cấp đó thực hiện.

Điều 8. Ban Giám khảo

1. Ban Giám khảo do Chủ tịch Hội đồng bình chọn các cấp thành lập để giúp Hội đồng bình chọn đánh giá và bình chọn các sản phẩm CNNTTB. Ban Giám khảo chịu trách nhiệm trước Hội đồng bình chọn về kết quả bình chọn.

2. Ban Giám khảo gồm có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên. Số lượng thành viên của Ban Giám khảo là số lẻ và không quá 07 thành viên. Thành viên của Ban Giám khảo là các nhà khoa học, chuyên gia, cán bộ quản lý, người có chuyên môn, kinh nghiệm thuộc lĩnh vực, ngành nghề liên quan đến các nhóm sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn. Thành viên của Ban Giám khảo có thể là thành viên của Hội đồng bình chọn.

3. Ban Giám khảo có nhiệm vụ nghiên cứu hồ sơ, sản phẩm và tổ chức bình chọn theo các nguyên tắc và tiêu chí được quy định tại Quy định này. Ban Giám khảo làm việc theo nguyên tắc công khai, minh bạch, kết luận theo đa số.

Điều 9. Hồ sơ và sản phẩm đăng ký bình chọn

1. Đăng ký bình chọn cấp huyện

Các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn lập hồ sơ đăng ký bình chọn sản phẩm CNNTTB gửi Hội đồng bình chọn; hồ sơ được lập thành 01 bộ, bao gồm:

a) Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm của các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn (theo mẫu quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BCT, Phụ lục 1) kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị;

b) Bản thuyết minh giới thiệu về sản phẩm (theo mẫu quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BCT, Phụ lục 2 Quy định này) kèm theo ảnh của sản phẩm được chụp tại các góc độ khác nhau (gồm 03 ảnh màu, kích cỡ tối thiểu 10x15cm);

c) Bản sao các tài liệu khác liên quan đến sản phẩm (nếu có) như: Chứng chỉ, chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm; giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm; giấy khen, bằng khen cho sản phẩm.

d) Ngoài các hồ sơ trên, cơ sở công nghiệp nông thôn phải gửi sản phẩm cụ thể về Hội đồng bình chọn theo thời gian, địa điểm quy định khi được yêu cầu.

2. Đăng ký bình chọn cấp tỉnh

Hội đồng bình chọn cấp huyện quyết định lựa chọn sản phẩm trong số những sản phẩm được công nhận là sản phẩm tiêu biểu cấp huyện để đăng ký bình chọn cấp tỉnh. Hồ sơ đăng ký được lập thành 01 bộ, gồm:

2.1. Văn bản đề nghị của Hội đồng bình chọn cấp huyện kèm theo danh sách trích ngang các sản phẩm đạt giải sản phẩm nông thôn tiêu biểu cấp huyện đăng ký tham gia bình chọn ở cấp tỉnh (theo mẫu quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BCT, Phụ lục 5) và hồ sơ của các sản phẩm đăng ký bình chọn cấp tỉnh quy định tại điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều này.

Trong trường hợp đặc biệt, cơ sở công nghiệp nông thôn không thể gửi sản phẩm cụ thể đến Hội đồng bình chọn, Chủ tịch Hội đồng bình chọn xem xét và quyết định phương thức, kết quả bình chọn đối với sản phẩm đó.

2.2. Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của cấp huyện còn giá trị.

Trong trường hợp không tổ chức được bình chọn cấp huyện (hoặc có những sản phẩm mới chưa được bình chọn ở cấp huyện), thì các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn ở cấp tỉnh phải hoàn thiện hồ sơ như quy định tại Khoản 1 Điều này gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, có văn bản đề nghị tham gia bình chọn cấp tỉnh.

3. Đăng ký bình chọn cấp khu vực

Hội đồng bình chọn cấp tỉnh quyết định lựa chọn sản phẩm trong số những sản phẩm được công nhận là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh để đăng ký bình chọn cấp khu vực.

Điều 10. Thời gian và địa điểm tiếp nhận hồ sơ, tổ chức bình chọn

1. Hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu lập thành 01 bộ; đối với cấp tỉnh được gửi trực tiếp đến Sở Công Thương; đối với cấp huyện gửi trực tiếp đến phòng Công Thương huyện, phòng Kinh tế thành phố Nam định.

2. Thời hạn nộp hồ sơ và tổ chức hướng dẫn, hoàn thiện hồ sơ tham gia bình chọn (gồm cả sản phẩm cụ thể) trước ngày 30 tháng 6 của năm bình chọn đối với cấp huyện, trước ngày 30 tháng 8 của năm đối với cấp tỉnh.

3. Trong thời gian 30 ngày làm việc tính từ thời điểm kết thúc nhận hồ sơ, Hội đồng bình chọn các cấp tổ chức bình chọn và thông báo kết quả bình chọn.

4. Cấp tỉnh và cấp huyện tổ chức bình chọn sản phẩm CNNTTB hai (02) năm một lần, thường chọn tổ chức vào năm lẻ. Trường hợp khác theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 11. Lưu giữ hồ sơ và sản phẩm bình chọn

Hồ sơ bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp tỉnh lưu tại Sở Công Thương. Sản phẩm tham gia bình chọn sẽ được trả lại cho cơ sở công nghiệp nông thôn hoặc lưu giữ trưng bày tại nơi trưng bày sản phẩm công nghiệp nông thôn của tỉnh khi được chủ cơ sở công nghiệp nông thôn đồng ý.

Hồ sơ bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp huyện lưu tại phòng Công Thương huyện, phòng Kinh tế thành phố Nam định.

Chương III

TỔ CHỨC BÌNH CHỌN VÀ TRAO GIẢI

Điều 12. Tiêu chí bình chọn và phương pháp chấm điểm

1. Việc bình chọn sản phẩm CNNTTB được đánh giá theo nhóm sản phẩm, thông qua các tiêu chí cơ bản sau:

- a) Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất;
- b) Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường;
- c) Tiêu chí về tính văn hóa, thẩm mỹ;
- d) Tiêu chí khác.

2. Chi tiết các tiêu chí bình chọn và phương pháp chấm điểm được quy định tại Phụ lục 3 của Quy định này.

3. Ban Giám khảo tiến hành chấm điểm (theo mẫu quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BCT, Phụ lục 4 Quy định này) theo nguyên tắc độc lập, công bằng, khách quan; từng thành viên tự chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá của mình.

Trưởng Ban Giám khảo lập biên bản tổng hợp kết quả chấm điểm bình chọn gửi Hội đồng bình chọn.

Điều 13. Điều kiện sản phẩm đạt giải và cơ cấu giải thưởng

1. Sản phẩm đạt giải sản phẩm CNNTTB phải đáp ứng yêu cầu chung quy định Khoản 2 Điều 2 và Điều 12 Quy định này, có điểm bình quân của Ban Giám khảo đạt từ 70 điểm trở lên. Cơ cấu và số lượng sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận do Hội đồng bình chọn quyết định.

2. Số lượng giải thưởng cho từng nhóm sản phẩm do Hội đồng bình chọn quyết định.

3. Tùy theo số lượng và chất lượng của các sản phẩm đạt giải sản phẩm CNNTTB, Hội đồng bình chọn có thể lựa chọn ra một số sản phẩm tiêu biểu nhất trong kỳ bình chọn để tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp cao hơn.

Điều 14. Công nhận kết quả và cấp giấy chứng nhận

1. Căn cứ vào kết quả bình chọn sản phẩm CNNTTB, Hội đồng bình chọn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh quyết định công nhận các sản phẩm đạt giải và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, tỉnh hàng năm theo kết quả bình chọn.

2. Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, tỉnh quy định theo mẫu (theo mẫu quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BCT, Phụ lục 6 Quy định này).

Điều 15. Tổ chức trao giải

1. Tổ chức trao giải sản phẩm CNNTTB phải nghiêm túc và trang trọng; phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương; đảm bảo có sự chứng kiến của đại diện chính quyền, đại diện các cơ quan thông tin đại chúng, các đơn vị có liên

quan và các tổ chức, cá nhân, cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có sản phẩm tham gia bình chọn đạt giải.

2. Thời gian, địa điểm trao giải cụ thể do Hội đồng bình chọn quyết định.

3. Khuyến khích các đơn vị tổ chức sự kiện, các hiệp hội ngành nghề, các cơ quan, đơn vị thông tin truyền thông, các doanh nghiệp tham gia, phối hợp với Hội đồng bình chọn trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền quảng bá cho việc bình chọn và tổ chức trao giải.

Điều 16. Quyền lợi của các đơn vị có sản phẩm đạt giải

1. Được nhận tiền thưởng theo quy định tại Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của UBND tỉnh Nam Định về ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến công tỉnh Nam Định; được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm CNNTTB. Giấy chứng nhận sản phẩm CNNTTB có giá trị tính từ ngày được cấp đến hết ngày 31/12 của năm thứ 3 và được đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp cao hơn.

2. Được ưu tiên hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương (đối với sản phẩm tiêu biểu cấp tỉnh), kinh phí khuyến công quốc gia (đối với sản phẩm tiêu biểu cấp khu vực và quốc gia) và các nguồn kinh phí khác để đầu tư phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, thiết bị, quảng bá sản phẩm, đào tạo lao động, đào tạo về khởi sự và thành lập doanh nghiệp.

3. Được đăng tải thông tin giới thiệu về sản phẩm trên các phương tiện thông tin: Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Nam Định, Cổng Thông tin điện tử tỉnh Nam Định, website của Sở Công Thương tỉnh Nam Định.

Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị có sản phẩm đạt giải

1. Tiếp tục duy trì và phát triển các sản phẩm CNNTTB về số lượng và chất lượng phù hợp với kết quả bình chọn và các văn bản mà đơn vị đã đăng ký, cam kết.

2. Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc đề xuất, xây dựng và thực hiện các chương trình, giải pháp nhằm hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn đạt giải.

Điều 18. Xử lý khiếu nại, thu hồi giấy chứng nhận

1. Thời hiệu khiếu nại với sản phẩm tham gia bình chọn là 15 ngày kể từ ngày thông báo Quyết định công nhận các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

2. Hội đồng bình chọn có trách nhiệm thụ lý giải quyết khiếu nại liên quan đến kết quả bình chọn trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn.

3. Trong trường hợp cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được công nhận vi phạm pháp luật và Quy định này, tùy theo mức độ vi phạm, Hội đồng

binh chọn có thể trình Ủy ban nhân dân cùng cấp xử lý hoặc thu hồi lại Giấy chứng nhận sản phẩm CNNTTB.

Điều 19. Kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức thực hiện bình chọn và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm CNNTTB được sử dụng nguồn kinh phí quy định tại Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của UBND tỉnh Nam Định về ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến công tỉnh Nam Định.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Công Thương:

- Là cơ quan Thường trực của Hội đồng bình chọn cấp tỉnh, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định này trên địa bàn tỉnh.

- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng bình chọn sản phẩm CNNTTB tỉnh; trình Hội đồng bình chọn tỉnh thành lập Ban giám khảo chấm điểm các sản phẩm công nghiệp nông thôn tham gia bình chọn cấp tỉnh.

- Tổ chức lập kế hoạch, chương trình bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp tỉnh; chỉ đạo phòng chuyên môn tổ chức thực hiện theo quy định; tiếp nhận hồ sơ của các cơ sở công nghiệp nông thôn, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, tổng hợp và trình Hội đồng bình chọn tỉnh; Hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc sử dụng kinh phí chi cho các hoạt động thực hiện bình chọn sản phẩm CNNTTB theo quy định; tổ chức công bố trao giải thưởng các sản phẩm CNNTTB cấp tỉnh.

- Hướng dẫn, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch, chương trình và tổ chức bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp huyện.

- Tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn các cơ sở công nghiệp nông thôn hoàn thiện hồ sơ để đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp khu vực và cấp quốc gia.

2. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương xem xét, thẩm định hồ sơ khen thưởng trình UBND tỉnh khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong việc bình chọn các sản phẩm CNNTTB.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Xây dựng kế hoạch, chương trình và tổ chức thực hiện bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp huyện;

- Thành lập Hội đồng bình chọn, Ban giám khảo; phê duyệt quyết định công nhận sản phẩm CNNTTB, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong việc bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp huyện;

- Phê duyệt danh sách sản phẩm CNNTTB cấp huyện đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp tỉnh;

Điều 21. Kiểm tra, giám sát và giải quyết vướng mắc

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Quy định này. Định kỳ hàng năm các địa phương có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện bình chọn sản phẩm CNNTTB trên địa bàn về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Công Thương (cơ quan Thường trực Hội đồng bình chọn cấp tỉnh) để tổng hợp, báo cáo và đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Đình Nghị

Phụ lục 1

(Ban hành theo Quyết định số: 10 /2016/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của UBND tỉnh Nam Định)

(TÊN CƠ SỞ CNNT)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....

....., ngày..... tháng năm

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Kính gửi:

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:

Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:..... Email:

Người đại diện:; Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh số: Ngày cấp:

Ngành nghề kinh doanh (tóm tắt ngành nghề chính có liên quan):
.....
.....
.....

Địa điểm sản xuất:.....

Vốn đăng ký kinh doanh (nếu có):

Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất (đối với doanh nghiệp):

Tổng số lao động bình quân/năm:

Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước:

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

Tên sản phẩm tham gia bình chọn:

Mô tả tóm tắt về sản phẩm :

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm nêu trên; sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm bản quyền về sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin được cung cấp trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn./.

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn

(ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 2

(Ban hành theo Quyết định số: 10/2016/QĐ-UBND ngày 22/4/2016
của UBND tỉnh Nam Định)

(TÊN CƠ SỞ CNNT)
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THUYẾT MINH SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

Tên sản phẩm:

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:

Đại diện cơ sở công nghiệp nông thôn:; Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: , Email:

I. THÔNG TIN CHUNG

Kích cỡ (dài, rộng, cao):

Trọng lượng sản phẩm (kg):

Ký hiệu sản phẩm (nếu có):

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm:

II. NỘI DUNG CHÍNH

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:

1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ

1.1. Về sản xuất, kinh doanh

- Quy mô sản xuất (Sp/năm) (năm trước và dự kiến năm hiện tại):

- Doanh thu của sản phẩm (năm trước và dự kiến năm hiện tại):

- Số lượng và doanh thu xuất khẩu năm trước và dự kiến năm hiện tại (nếu có):

- Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):

- Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:

- Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:

- Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm. Khả năng áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất sản phẩm:

.....
.....
- Chất lượng, mẫu mã sản phẩm:

.....
.....
- Hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm (ISO, HACCP,) đang áp dụng (nếu có). Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định:

.....
- Khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn:

- Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác:

.....
- Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm:

1.2. Về thị trường

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm (thị trường trong và ngoài nước) và đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:

- Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):

2. Lao động, bảo vệ môi trường

2.1. Về lao động

- Tổng số lao động đang sử dụng:

- Chất lượng lao động đang sử dụng:

.....
- Thu nhập bình quân: VNĐ/người/tháng

2.2. Về môi trường

Nêu tóm tắt việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường (xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn,...) và việc thực hiện các thủ tục về môi trường (Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM/ Đề án bảo vệ môi trường, báo cáo định kỳ về quản lý chất thải nguy hại,...) trong sản xuất sản phẩm:

3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm

- Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:

.....
- Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:

- Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:

.....
.....

4. Một số nội dung khác

- Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:

.....
.....

- Các giải thưởng, bằng khen,... đã đạt được:

.....
.....

- Nêu tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:

.....
- Tham gia các hoạt động công ích xã hội:

- Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):

III. TỰ NHẬN XÉT

.....
.....
.....

www.LuatVietnam.vn

Đại diện
Cơ sở công nghiệp nông thôn
(ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 3

(Ban hành theo Quyết định số: 10 /2016/QĐ-UBND ngày 22/4/2016
của UBND tỉnh Nam Định)

TIÊU CHÍ BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

TT	Chỉ tiêu đánh giá	
I	Tiêu chí đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất (40 điểm)	
1	Đáp ứng nhu cầu thị trường (20 điểm)	<ul style="list-style-type: none">- Mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước (10 điểm)+ Bảo đảm được nhu cầu các đơn hàng: 10 điểm+ Bảo đảm phần lớn nhu cầu đơn hàng: 7 điểm+ Bảo đảm một phần nhu cầu đơn hàng: 5 điểm- Khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (10 điểm)+ Thay thế, cạnh tranh được hàng nhập khẩu: 10 điểm+ Thay thế, cạnh tranh một phần hàng nhập khẩu: 7 điểm
	Khả năng phát triển sản xuất (20 điểm)	<ul style="list-style-type: none">- Khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn (3 điểm)+ Khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn: 3 điểm+ Không có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn: 1 điểm- Khả năng áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất (3 điểm)+ Khả năng áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại vào nhiều công đoạn sản xuất: 3 điểm+ Khả năng áp dụng một phần công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất: 2 điểm- Quy mô sản xuất (3 điểm)- Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác (3 điểm)+ Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác: 3 điểm+ Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác kém: 1 điểm- Khả năng sử dụng nguyên, vật liệu trong nước (3 điểm)+ Khả năng sử dụng trên 50% nguyên, vật liệu trong nước: 3 điểm+ Khả năng sử dụng dưới 50% nguyên, vật liệu trong nước: 2 điểm- Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm (5 điểm)

		<ul style="list-style-type: none"> + Có khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm: 5 điểm + Không khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm: 0 điểm
II	Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường 40 điểm	
1	Về Kinh tế (9 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu quả kinh tế sản xuất kinh doanh sản phẩm (5 điểm) + Lợi nhuận/Vốn đầu tư lớn hơn 2 lần lãi xuất ngân hàng: 5 điểm + Lợi nhuận/Vốn đầu tư thấp hơn 1,5 lần lãi xuất ngân hàng: 3 điểm - Doanh thu sản xuất kinh doanh sản phẩm (3 điểm) + Sản phẩm công nghiệp nông thôn có mức tăng trưởng doanh thu cao hơn khu vực nông thôn: 3 điểm. + Sản phẩm công nghiệp nông thôn có mức tăng trưởng doanh thu tương đương khu vực nông thôn: 2 điểm. + Sản phẩm công nghiệp nông thôn có mức tăng trưởng doanh thu thấp hơn khu vực nông thôn: 1 điểm. - Đánh giá các chỉ tiêu kinh tế khác (1 điểm)
2	Về Kỹ thuật (12 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Trình độ công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm (1 điểm): + Trình độ công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm đạt tiên tiến: 1 điểm + Trình độ công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm đạt Trung bình: 1 điểm + Trình độ công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm ở mức lạc hậu: 0 điểm - Chất lượng, mẫu mã sản phẩm (4 điểm) + Chất lượng, mẫu mã sản phẩm đảm bảo quy định pháp luật, phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường: 4 điểm. - Chất lượng, mẫu mã sản phẩm đảm bảo quy định pháp luật, song chưa thực sự phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường: 2 điểm. - Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định (2 điểm) - Hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm (ISO, HACCP,...) (1 điểm) + Đã và đang đăng ký chất lượng sản phẩm hàng hóa, sở hữu trí tuệ, áp dụng hệ thống quản lý ISO, HACCP,...: 1 điểm. + Chưa đăng ký chất lượng sản phẩm hàng hóa, sở hữu trí tuệ, áp dụng hệ thống quản lý ISO, HACCP,...:

		<p>0 điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng lao động tham gia sản xuất (2 điểm) + Lao động được đào tạo, có tay nghề, được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động: 2 điểm + Còn lao động chưa được đào tạo, có tay nghề yếu, bảo hộ lao động chưa đáp ứng đủ: 1 điểm
3	Về Xã hội (14 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng thu hút, giải quyết được việc làm cho lao động (6 điểm) + Cơ sở sản xuất tham gia bình chọn có mức tăng lao động cao hơn khu vực nông thôn: 6 điểm. + Cơ sở sản xuất tham gia bình chọn có mức tăng lao động tương đương khu vực nông thôn: 4 điểm. + Cơ sở sản xuất tham gia bình chọn có mức tăng lao động thấp hơn khu vực nông thôn: 2 điểm. - Thu nhập bình quân của người lao động (6 điểm) + Thu nhập bình quân của người lao động cơ sở CNNT cao hơn bình quân thu nhập người lao động khu vực: 6 điểm + Thu nhập bình quân của người lao động cơ sở CNNT bằng bình quân thu nhập người lao động khu vực: 4 điểm Thu nhập bình quân của người lao động cơ sở CNNT thấp hơn thu nhập bình quân của người lao động: 2 điểm - Đánh giá các tác động xã hội khác (2 điểm)
4	Về Môi trường (5 điểm)	<p>Đánh giá tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất (5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất: 5 điểm + Chưa thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất: 2 điểm
III Tiêu chí về tính văn hóa, tính thẩm mỹ (10 điểm)		
1	Tính văn hóa (6 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc (2 điểm) + Sản phẩm thể hiện được tính văn hoá dân tộc, phù hợp với tính hiện đại: 2 điểm. + Sản phẩm chưa thể hiện được tính văn hoá dân tộc, phù hợp với tính hiện đại: 1 điểm - Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm (4 điểm) + Sản phẩm kế thừa được giá trị văn hoá truyền thống của sản phẩm (chất liệu, kiểu dáng,...): 4 điểm + Sản phẩm kế thừa một phần giá trị văn hoá truyền thống của sản phẩm (chất liệu, kiểu dáng,...): 2 điểm

		+ Sản phẩm không kế thừa giá trị văn hoá truyền thống của sản phẩm (chất liệu, kiểu dáng,...): 0 điểm
2	Tính thẩm mỹ (4 điểm)	Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo, hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp (4 điểm) + Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo, hình thức, mẫu mã, bao bì hài hoà, phù hợp xu thế phát triển của thị trường: 4 điểm + Sản phẩm chưa có thiết kế độc đáo, hình thức, mẫu mã, bao bì chưa hài hoà, chưa phù hợp xu thế phát triển thị trường: 2 điểm
IV	Các tiêu chí khác (10 điểm)	
1	Các chứng nhận liên quan đến chất lượng sản phẩm (3 điểm)	Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận (3 điểm): + Có các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận: 3 điểm + Chưa có đủ các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận: 0 điểm
2	Các giải thưởng, khen thưởng (3 điểm)	Các giải thưởng, bằng khen,... đã đạt được (3 điểm) + Đã có các chứng nhận về giải thưởng, bằng khen cấp quốc gia: 3 điểm; cấp khu vực, tỉnh: 2 điểm, + Có các chứng nhận về giải thưởng, bằng khen cấp bộ (bộ, khu vực, tỉnh) đã được công nhận: 2 điểm
3	Thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và các hoạt động công ích xã hội. (4 điểm)	- Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước (2 điểm) + Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước: 2 điểm + Thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước chưa đầy đủ: 0 điểm - Tham gia các hoạt động công ích xã hội (2 điểm)

Phụ lục 4

(Ban hành theo Quyết định số: 10/2016/QĐ-UBND ngày 22/4/2016
của UBND tỉnh Nam Định)

HỘI ĐỒNG BÌNH CHỌN

**PHIẾU CHẤM ĐIỂM
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Tên sản phẩm:

Nhóm sản phẩm:

Mã số bình chọn:

Họ và tên giám khảo:

Chức vụ/Học hàm, học vị:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm bình chọn	Ghi chú
1	Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất	40		
2	Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường	40		
3	Tiêu chí về tính văn hóa, tính thẩm mỹ	10		
4	Một số tiêu chí khác	10		
	Tổng cộng	100		

Nhận xét:

....., ngày ...tháng ... năm

Thành viên Ban giám khảo

(ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 5

*(Ban hành theo Quyết định số: 10 /2016/QĐ-UBND ngày 22/4/2016
của UBND tỉnh Nam Định)*

TÊN CƠ QUAN

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG
SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN SẢN PHẨM
CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU CẤP.....**

STT	Tên sản phẩm	Cơ sở công nghiệp nông thôn	Địa chỉ	Ghi chú

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan/đơn vị
(ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 6

(Ban hành theo Quyết định số: 10 /2016/QĐ-UBND ngày 22/4/2016
của UBND tỉnh Nam Định)

QUY ĐỊNH VỀ GIẤY CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

I. QUY ĐỊNH CHUNG CỦA MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

1. Hình thức: xung quanh trang trí hoa văn, chính giữa phía trên, dưới Quốc hiệu là biểu trưng (logo) của Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

Logo của Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu bao gồm: hình ảnh của bánh răng công nghiệp (màu nâu đỏ) được cách điệu như một bông hoa trên nền đan xen của những chiếc lá (màu xanh), tổng thể được đặt trong một hình tròn. Xung quanh nửa dưới hình tròn có hàng chữ “SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU” (màu xanh).

Mã màu:

Green(1): C35.M0.Y100.K0;

Green(2): C100.M0.Y: 100 K: 40

Brich Red: C20 M70.Y100 K0



2. Nội dung: dòng thứ nhất, thứ hai: Quốc hiệu “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”; dòng thứ 3 chức danh người ký (chữ in hoa, màu đỏ); dòng thứ 4 tên đơn vị ký chứng nhận (chữ in hoa, màu đen); dòng thứ 5 “CHỨNG NHẬN” (chữ in hoa, màu đỏ); dòng thứ 6: SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU; dòng thứ 7: CẤP...- NĂM 20... (chữ in hoa, màu đỏ); dòng thứ 8: TÊN SẢN PHẨM: ghi tên sản phẩm; dòng thứ 9: ĐƠN VỊ SẢN XUẤT: ghi tên đơn vị sản xuất sản phẩm; dòng thứ 10: ĐỊA CHỈ: ghi địa chỉ của đơn vị sản xuất sản phẩm. Phía dưới bên phải các nội dung: địa danh, ngày ... tháng ... năm ... ; chức danh người ký và khoảng trống 30 mm để ký tên đóng dấu.

Phía dưới bên trái:

- Số quyết định ... ngày ... tháng ... năm ...

- Có giá trị đến ngày 31 tháng 12 năm 20...


3. Giấy in: Giấy chứng nhận in trên giấy trắng định lượng 150 gram/m²;

Chứng nhận các cấp sử dụng chung khổ giấy A4, kích thước dài 297mm, rộng 210mm, đường trang trí hoa văn dài 287mm, rộng 200mm (sử dụng chiều đứng trang in).

II. MẪU CỤ THỂ

1. Mẫu số 1 dùng cho cấp huyện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

CHỨNG NHẬN
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU
CẤP HUYỆN - NĂM 20....

TÊN SẢN PHẨM:

ĐƠN VỊ SẢN XUẤT:

ĐỊA CHỈ:


....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

Theo Quyết định số:/QĐ-UBND, ngày/...../.....
Có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm 20.....

2. Mẫu số 2 dùng cho cấp tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH _____

CHỨNG NHẬN
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU
CẤP TỈNH - NĂM 20__

TÊN SẢN PHẨM: _____

ĐƠN VỊ SẢN XUẤT: _____

ĐỊA CHỈ: _____

..... ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

Theo Quyết định số:/QĐ-UBND, ngày/...../.....
Có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm 20.....